

QUYẾT ĐỊNH

Công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện và UBND cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1353/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa danh mục 21 thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. (Danh mục TTHC kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC thành phố Huế theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC ngay sau khi Quyết định này được ký ban hành, hoàn thành trước ngày 10/5/2025.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm:

- Niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND thành phố công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố (<https://dichvucong.hue.gov.vn>) theo quy định.

- Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế các TTHC có số thứ tự từ số 01 đến số 21 tại danh mục TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường (bao gồm thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, UBND cấp huyện và UBND cấp xã).

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Cổng TTĐT, TTPVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải Minh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, UBND CẤP HUYỆN VÀ UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số: 1241 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đ)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (18 TTHC)					
I	LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (07 TTHC)					
1.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Tỉnh) (1.004493)	10 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	600.000	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 - <i>Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.</i>	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
2.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004363)	16 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế	800.000	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

			(https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
3.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004346)	16 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	800.000		Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
4.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng KDTV (1.003984)	24 giờ (01 ngày)	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Mức lệ phí theo khối lượng hoặc thể tích lô hàng	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13; - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Chính phủ.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

					- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Chính phủ. - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
5.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (1.007931)	13 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	500.000	- Luật Trồng trọt năm 2018. - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
6.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (1.007932)	- 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón - 05 ngày làm việc đối với Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	200.000	- Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

		dung thông tin, tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận				
7.	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón (1.007933)	05 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Không	- Luật Trồng trọt năm 2018. - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
I L	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (11 TTHC)					
8.	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên (1.012848)	- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 112/2024/NĐCP ngày 11/9/2024 của Chính phủ - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Quản lý đất đai - Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính
9.	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất	20 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	Không	- Nghị định số 112/2024/NĐCP ngày 11/9/2024 của Chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp

	chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên (1.012847)		- Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		phủ - <i>Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.</i>	và Môi trường/Chi cục Trồng trọt và BVTV - Cơ quan/ Người có thẩm quyền phê duyệt: Chủ tịch UBND thành phố.
10.	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. (1.012075)	7 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không		Sở Khoa học và Công nghệ
11.	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. (1.012074)	24 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		- Nghị định số 79/2023/NĐCP ngày 15/11/2023 của Chính phủ - <i>Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.</i>	
12.	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ	- 15 ngày	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu	Không	- Nghị định số	- Cơ quan

	chức giám định quyền đối với giống cây trồng (1.012004)	- Đối với trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh gây ra: 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvuc		65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ - <i>Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.</i>	trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Trồng trọt và BVTV - Cơ quan/ Người có thẩm quyền phê duyệt: Chủ tịch UBND thành phố.
13.	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (1.012003)	01 tháng (30 ngày)	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvuc	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi bổ sung năm 2022) - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ - <i>Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.</i>	
14.	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (1.012002)	- 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Đối với trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvuc	Không	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ - <i>Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.</i>	

		với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh gây ra: 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			
15.	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (1.012001)	01 tháng (30 ngày)	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvuc	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi bổ sung năm 2022) - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ - <i>Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT</i> ngày 22/4/2025.
16.	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (1.012000)	02 tháng (60 ngày)	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvuc	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi bổ sung năm 2022) - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ - <i>Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT</i> ngày 22/4/2025.
17.	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	02 tháng (60 ngày)	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi bổ sung năm 2022) - Nghị định số

	(1.011999)		tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucNộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố).		65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	
18.	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính (1.008003)	- Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 25 ngày làm việc - Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 05 ngày làm việc,	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvuc	Không	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Chi cục Trồng trọt và BVTV - Cơ quan/ Người có thẩm quyền phê duyệt: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.
B CẤP HUYỆN (02 TTHC): LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT						
19.	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện (1.012849)	20 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế trong trường hợp đã có chữ ký số.	Không	- Nghị định số 112/2024/NĐCP ngày 11/9/2024 của Chính phủ - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	Cơ quan Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện
20.	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng	- Văn bản thông báo xác định số	(https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia			

	hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện (1.012850)	tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày	(https://dichvucong.gov.vn)			
C	CẤP XÃ (01 TTHC): LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT					
21.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa (1.008004)	05 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	- Nghị định số 112/2024/NĐCP ngày 11/9/2024 của Chính phủ - Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025.	Ủy ban nhân dân cấp xã

*** Ghi chú:**

- Phần chữ nghiêng là nội dung thay đổi (căn cứ pháp lý...);
- Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND thành phố công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (<https://dichvucong.hue.gov.vn>).